

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

*Báo cáo tài chính đã được soát xét cho 6 tháng đầu năm 2012*

**Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012**



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	02-03
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT</b>	04-04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	05-07
Kết quả hoạt động kinh doanh	08-08
Lưu chuyển tiền tệ	09-09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-28



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:**

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,19%.

**Trụ sở của Công ty** : Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại** : 0650.3.658.278 **Fax:** 0650.3.625.379

**Hoạt động chính của Công ty :**

- Khai thác đá, đất sét;
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị Công ty:**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	19/03/2011	
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	





# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Ấp Cây Chàm, Xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương.

## Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Giám đốc	01/12/2006	
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Phó Giám đốc	01/12/2006	

## Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	19/03/2011	
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	

## Kế toán trưởng

Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam		01/12/2006	
--------------------	----------	--	------------	--

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2012



*Mai Văn Chính*

CÔNG TY  
THÀNH VIÊN  
H. VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH



Số: *A68* /BCKT/TC**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp  
Cho 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.*

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 18/07/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo đúng Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2012

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS  
**Tổng Giám Đốc**

**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số : 0479/KTV

**Kiểm toán viên****Lưu Vinh Khoa**

Chứng chỉ KTV số : 0166/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>30,430,738,144</b>	<b>28,566,776,396</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>15,218,983,129</b>	<b>14,385,433,292</b>
1. Tiền	111		2,618,983,129	785,433,292
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,600,000,000	13,600,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,956,976,686</b>	<b>3,481,805,878</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	1,860,579,464	1,500,666,989
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	17,250,000	1,847,750,000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	79,147,222	133,388,889
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>12,253,912,910</b>	<b>9,987,361,161</b>
1. Hàng tồn kho	141		12,253,912,910	9,987,361,161
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,000,865,419</b>	<b>712,176,065</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	880,169,626	667,150,307
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.7	27,329,888	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	93,365,905	45,025,758
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>31,328,324,990</b>	<b>32,617,820,141</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,164,204,887</b>	<b>9,579,957,998</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9,164,204,887	9,579,957,998
- Nguyên giá	222		16,611,671,732	16,242,458,279
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,447,466,845)	(6,662,500,281)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22,164,120,103</b>	<b>23,037,862,143</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21,941,398,716	22,686,131,105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		36,390,846	33,743,038
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	186,330,541	317,988,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>61,759,063,134</b>	<b>61,184,596,537</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>8,329,152,414</b>	<b>7,431,934,903</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8,120,679,164</b>	<b>7,247,310,566</b>
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	686,691,738	678,822,471
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	117,823,800	499,722,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	4,339,608,890	3,796,219,727
6. Chi phí phải trả	316	V.15	436,985,421	90,664,311
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	1,950,273,743	1,917,090,485
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		589,295,572	264,791,572
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>V.17</b>	<b>208,473,250</b>	<b>184,624,337</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		11,000,000	11,000,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		197,473,250	173,624,337
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>53,429,910,720</b>	<b>53,752,661,634</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>53,429,910,720</b>	<b>53,752,661,634</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46,683,000,000	46,683,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(730,457,045)	(730,457,045)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		191,897	191,897
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,583,077,928	1,583,077,928
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,540,103,934	2,340,127,854
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,353,994,006	3,876,721,000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>61,759,063,134</b>	<b>61,184,596,537</b>

02950886  
**CÔNG TY**  
**CHUYÊN NGHIỆP**  
**CH VỤ TƯ VẤN**  
**CHÍNH KẾ T**  
**Ả KIỂM TOÁN**  
**PHÍA NAM**  
**TP. HỒ C**



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD	V.1	44.91	44.91
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

  
Hứa Ngọc Chính

Giám đốc

  
Lê Minh Hoàng





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21,671,470,472	21,680,969,001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>21,671,470,472</b>	<b>21,680,969,001</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	15,130,646,154	14,276,234,558
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6,540,824,318</b>	<b>7,404,734,443</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	780,863,304	749,714,782
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	495,000	17,743,333
Trong đó: chi phí lãi vay	23		495,000	17,743,333
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	234,385,837	215,711,033
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,768,182,858	1,641,140,213
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5,318,623,927</b>	<b>6,279,854,646</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13,925,521	53,299,954
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	54,042,493
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>13,925,521</b>	<b>(742,539)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5,332,549,448</b>	<b>6,279,112,107</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1,335,785,170	1,569,778,027
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2,647,808)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3,999,412,086</b>	<b>4,709,334,080</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	862	1,015

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Lê Minh Hoàng



S.Đ.K.K.D. 470  
C  
TRÁCH  
DỊCH  
TÀI CHÍNH  
VÀ  
P  
QUẬN 1

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm 2012

( Phương pháp trực tiếp )

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp hàng hóa dịch vụ và doanh thu khác	01		23,122,126,047	23,356,424,369
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11,315,627,756)	(11,484,623,442)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(4,253,464,000)	(3,680,756,000)
- Tiền chi trả lãi vay	04		-	(3,076,667)
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,527,390,610)	(728,982,352)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,659,999,394	1,186,322,263
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4,387,913,567)	(5,163,572,801)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4,297,729,508</b>	<b>3,481,735,370</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(455,255,753)	(544,487,119)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		701,716,082	967,589,225
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>246,460,329</b>	<b>423,102,106</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(230,878,580)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2,400,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2,400,000,000)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,710,640,000)	(4,542,654,600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3,710,640,000)</b>	<b>(4,773,533,180)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>833,549,837</b>	<b>(868,695,704)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>14,385,433,292</b>	<b>14,439,612,901</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(138,124)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>15,218,983,129</b>	<b>13,570,779,073</b>

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Lê Minh Hoàng

CÔNG TY  
NHỆM HỮU  
VỤ TƯ V  
ÍNH KẾ T  
KIỂM TOÁ  
IÍA NAM  
P. HỒ C



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính

Ấp Cây Chàm, xã Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30/06/2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty) – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23/11/2009) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:**

- Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Ông Mai Văn Chánh làm đại diện) nắm giữ 1.395.360 cổ phần tương đương 13.953,6 triệu đồng, chiếm 29,89%;
- Ông Lê Minh Hoàng nắm giữ 40.527 cổ phần tương đương 405,27 triệu đồng, chiếm 0,87%;
- Ông Đỗ Thành Lộc nắm giữ 31.122 cổ phần tương đương 311,22 triệu đồng, chiếm 0,67%;
- Ông Phạm Ngũ Cơ nắm giữ 26.562 cổ phần tương đương 266,62 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 9.120 cổ phần tương đương 91,2 triệu đồng, chiếm 0,92%.

**Ngành, nghề kinh doanh :** Khai thác đá, đất sét; Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel; Mua bán vật liệu xây dựng; Xây dựng lò tuynel; Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel; Trồng cây cao su;

**Hình thức sở hữu vốn :** Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác.

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2007.

Niên độ kế toán tiếp theo của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nợ phải thu, nợ phải trả dài hạn tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho kỳ sau nhưng mức hạch toán vào chi phí trong kỳ ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong kỳ. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các kỳ sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10-Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái được Bộ Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục nêu trên được ghi nhận ngay vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Theo quy định của Thông tư 201/2009/TT - BTC ngày 15/10/2009 do Bộ tài chính ban hành để xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Cụ thể, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả ngắn hạn tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

Tuy nhiên do hầu hết các giao dịch trong kỳ của Công ty được thực hiện bằng VND cũng như số dư ngoại tệ của Công ty là rất nhỏ (tiền gửi ngân hàng có số dư ngoại tệ là 44,91 USD) nên việc lựa chọn phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá theo TT 201/2009TT-BTC hay theo Chuẩn mực kế toán số 10 nêu trên ảnh hưởng không đáng kể đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty.

**2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá trên chi phí thực tế phát sinh.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

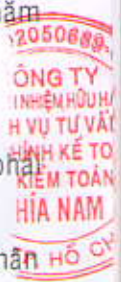
**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**4.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

**5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**

**5.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**5.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**5.2.1. Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.2.2. Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trong vòng 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh được phân bổ trên 12 tháng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

**9. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**Ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

**10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**10.2. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	673,477,113	250,231,126
Tiền gửi ngân hàng	1,945,506,016	535,202,166
- Tiền gửi NH bằng VND	1,915,053,378	505,121,869
- Tiền gửi ngoại tệ (USD) 44.91 USD #	935,385	44.91 USD # 935,385
- Tiền gửi tại công ty chứng khoán để mua cổ phiếu	29,517,253	29,144,912
Các khoản tương đương tiền (*)	12,600,000,000	13,600,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>15,218,983,129</u></b>	<b><u>14,385,433,292</u></b>
(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	7,600,000,000	8,600,000,000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	5,000,000,000	5,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>12,600,000,000</u></b>	<b><u>13,600,000,000</u></b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương	1,301,523,993	1,367,337,683
Đại lý Ngọc Bảo (*)	107,348,780	-
Công ty TNHH Khoáng Sản Và XD Trung Thăng	49,342,865	133,329,306
Đại lý Mỹ Hạnh	344,942,375	-
Khác	57,421,451	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1,860,579,464</u></b>	<b><u>1,500,666,989</u></b>
(*) Các khoản phải thu chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại ngày 30/06/2012.		
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Cửa hàng Thủy Vân (*)	9,000,000	9,000,000
Công ty TNHH Than Tân Phù Đổng	-	1,724,800,000
Công ty TNHH Mộc Miên	-	55,200,000
Công ty TNHH MTV Nhân Tạo	-	23,000,000
Công ty CP Hỗ trợ DN và Truyền thông Việt Nam (*)	8,250,000	-
Khác	-	35,750,000
<b>Cộng</b>	<b><u>17,250,000</u></b>	<b><u>1,847,750,000</u></b>
(*) Các khoản trả trước cho người bán chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại ngày 30/06/2012.		
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	79,147,222	133,388,889
<b>Cộng</b>	<b><u>79,147,222</u></b>	<b><u>133,388,889</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	9,461,559,871	6,337,267,714
Công cụ dụng cụ	44,217,988	56,056,678
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (gạch ngói)	527,416,396	824,562,622
Thành phẩm tồn kho (gạch ngói)	2,220,718,655	2,769,474,147
<b>Cộng</b>	<b>12,253,912,910</b>	<b>9,987,361,161</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	12,253,912,910	9,987,361,161
<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí khai thác đất đầu, khai mương, đắp đê ở mô sét Đồng Chính	776,984,575	667,150,307
Chi phí hội nghị, đại hội	103,185,051	-
<b>Cộng</b>	<b>880,169,626</b>	<b>667,150,307</b>
<b>7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
Thuế thu nhập cá nhân	27,329,888	-
<b>Cộng</b>	<b>27,329,888</b>	<b>-</b>
<b>8. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	93,365,905	45,025,758
<b>Cộng</b>	<b>93,365,905</b>	<b>45,025,758</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11,928,181,020	3,852,388,915	31,400,145	430,488,199	16,242,458,279
Tăng trong năm	-	355,013,000	14,200,453	-	369,213,453
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	11,928,181,020	4,207,401,915	45,600,598	430,488,199	16,611,671,732
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4,556,774,457	1,812,234,267	19,952,185	273,539,372	6,662,500,281
Tăng trong năm	504,341,916	251,103,733	2,615,403	26,905,512	784,966,564
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5,061,116,373	2,063,338,000	22,567,588	300,444,884	7,447,466,845
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	7,371,406,563	2,040,154,648	11,447,960	156,948,827	9,579,957,998
Số cuối năm	6,867,064,647	2,144,063,915	23,033,010	130,043,315	9,164,204,887

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối kỳ : 0 đồng

Không có tài sản cố định hữu hình nào đang chờ thanh lý vào thời điểm cuối quý;

Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chính	21,039,126,743	21,630,268,713
Chi phí khác phát sinh trong giai đoạn XD/CB mỏ sét Đồng Chính	617,171,509	637,862,096
Chi phí sửa chữa nhà, văn phòng, căn tin, nhà kho tại VP Công ty	59,573,964	-
Chi phí sửa chữa xây nối đuôi lò nung	2,807,946	11,231,808
Chi phí sửa chữa đường vào công ty	4,664,498	32,651,546
Chi phí sửa chữa nền xưởng sản xuất	1,669,686	6,678,780
Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	120,100,000	237,250,000
Chi phí sửa chữa lớn xe xúc kawasaki	15,880,000	27,790,000
Chi phí thay tole, đồ bê tông nhà xưởng	16,460,871	28,806,519
Chi phí gia công khuôn ngói 10 viên/m <sup>2</sup>	12,121,205	21,212,117
Chi phí trả tiền thuê đất khu đất 5.646 m <sup>2</sup> tại Văn phòng công ty	51,822,294	52,379,526
<b>Cộng</b>	<b><u>21,941,398,716</u></b>	<b><u>22,686,131,105</u></b>
<b>11. Tài sản dài hạn khác</b>		
Ký quỹ phục hồi môi trường	186,330,541	317,988,000
<b>Cộng</b>	<b><u>186,330,541</u></b>	<b><u>317,988,000</u></b>
<b>12. Phải trả cho người bán</b>		
DNTN Minh Tiến	543,531,707	568,693,471
CN Công ty CP VLXD Khánh Hòa-XN GN Ninh Hòa TN25 (*)	2,500,000	2,500,000
DNTN TM Nhật Hoàng Minh (*)	9,350,000	8,750,000
Công ty TNHH TM DV & SX PT KT CN Nguyễn Hùng Vinh (*)	17,630,000	-
Công ty TNHH Mộc Miên (*)	17,600,000	-
DNTN Dũng Gò Công (*)	75,670,000	-
DNTN Trọng Phát (*)	20,410,031	98,879,000
<b>Cộng</b>	<b><u>686,691,738</u></b>	<b><u>678,822,471</u></b>
(*) Khoản phải trả người bán chưa được xác nhận nợ tại ngày 30/06/2012.		
<b>13. Người mua trả tiền trước</b>		
DNTN Minh Tiến	56,266,000	496,590,000
DNTN Huỳnh Thu (*)	3,125,000	3,125,000
Đỗ Thành Lộc (*)	56,724,000	-
Công ty TNHH MTV TM BaLa (*)	1,700,000	-
Khác (*)	8,800	7,000
<b>Cộng</b>	<b><u>117,823,800</u></b>	<b><u>499,722,000</u></b>
(*) Khoản người mua trả tiền trước chưa được xác nhận nợ tại ngày 30/06/2012.		
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế GTGT phải nộp	908,232,169	127,728,077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,258,997,101	3,450,602,541
Thuế thu nhập cá nhân	-	61,600,889
Thuế tài nguyên	88,458,300	75,461,400
Tiền thuê đất	62,859,820	62,859,820
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21,061,500	17,967,000
<b>Cộng</b>	<b><u>4,339,608,890</u></b>	<b><u>3,796,219,727</u></b>

9050699  
 CÔNG TY  
 CHẾM HỮU HU  
 TỰ TƯ VẤN  
 HÌNH KẾ TO  
 KIỂM TOÁN  
 HIA NAM  
 P. HỒ C



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>15. Chi phí phải trả</b>		
Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	82,703,556	72,112,325
Chi phí xăng, vé cầu đường	-	18,551,986
Trích trước lương tháng 13, lương phép năm 2012	252,581,865	-
Trích trước chi phí quảng cáo năm 2012	101,700,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>436,985,421</u></b>	<b><u>90,664,311</u></b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	1,756,110,483	1,756,110,483
Kinh phí công đoàn	87,595,280	63,294,022
Các khoản phải trả, phải nộp khác	106,567,980	97,685,980
<b>Cộng</b>	<b><u>1,950,273,743</u></b>	<b><u>1,917,090,485</u></b>

(\*) Giá trị đất sét, than cám thừa được xác định từ kết quả kiểm kê tại thời điểm cuối niên độ 2011, chưa xác định chính xác nguyên nhân. Công ty sẽ tiến hành kiểm kê lại bằng cách thuê một đơn vị có chức năng chuyên ngành đo đạc để xác định lại khối lượng đất sét nguyên vật liệu. Nếu kết quả đo đạc cho kết quả đất sét nguyên liệu thừa so với khối lượng trên sổ sách kế toán tại ngày đo đạc, Công ty sẽ ghi nhận giá trị đất sét thừa nêu trên vào kết quả kinh doanh của quý 3/2012.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>17. Nợ dài hạn</b>		
Vay cán bộ công nhân viên	11,000,000	11,000,000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	197,473,250	173,624,337
<b>Cộng</b>	<b><u>208,473,250</u></b>	<b><u>184,624,337</u></b>

**18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Năm trước</b>					
Số dư đầu năm trước	46,683,000,000		1,583,077,928	1,922,000,643	5,538,479,705
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	
- Lợi nhuận sau thuế tăng năm trước	-	-	-	-	7,918,258,506
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	9,580,017,211
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	418,127,211	418,127,211
+ Cổ tức đã trả cho cổ đông	-	-	-	-	7,885,110,000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng phúc lợi, thù lao, thưởng	-	-	-	-	1,276,780,000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,583,077,928</b>	<b>2,340,127,854</b>	<b>3,876,721,000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Năm nay</b>					
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>46,683,000,000</b>	-	<b>1,583,077,928</b>	<b>2,340,127,854</b>	<b>3,876,721,000</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ này	-	-	-	-	3,999,412,086
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	4,522,139,080
+ Phân phối cho quỹ CSH (*)	-	-	-	199,976,080	199,976,080
+ Chia cổ tức đợt 2/2011	-	-	-	-	3,710,640,000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng HĐQT, BQLĐH) (*)	-	-	-	-	611,523,000
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>46,683,000,000</b>	-	<b>1,583,077,928</b>	<b>2,540,103,934</b>	<b>3,353,994,006</b>

(\*) Trên cơ sở kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2012, Công ty trích lập Quỹ dự phòng tài chính, phân phối Quỹ khen thưởng và phúc lợi, trích thù lao HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2012.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng
-Vốn đầu tư của nhà nước	13,953,600,000	13,953,600,000	13,953,600,000	13,953,600,000
-Vốn góp của cổ đông khác	32,429,400,000	32,429,400,000	32,429,400,000	32,429,400,000
-Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	300,000,000	300,000,000	300,000,000	300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>	<b>46,683,000,000</b>

Công ty không phát hành trái phiếu.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Vốn góp đầu năm	46,683,000,000	46,683,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	46,683,000,000	46,683,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3,710,640,000</b>	<b>4,638,300,000</b>
<b>Cổ phiếu :</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	4.668.300 cổ phần	4.668.300 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Ấp Cây Châm - Xã Thanh Phước - Huyện Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30/06/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được mua lại	30.000 cổ phần	30.000 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	30.000 cổ phần	30.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.638.300 cổ phần	4.638.300 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	4.638.300 cổ phần	4.638.300 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần		
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Doanh thu gạch ngói	16,834,812,594	13,041,811,145
Doanh thu đất sét	4,836,657,878	8,639,157,856
Doanh thu dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21,671,470,472</b>	<b>21,680,969,001</b>
Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu		
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Giá vốn sản phẩm gạch ngói	11,881,549,112	10,292,360,354
Giá vốn đất sét	3,249,097,042	3,983,874,204
<b>Cộng</b>	<b>15,130,646,154</b>	<b>14,276,234,558</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	780,863,304	749,714,782
<b>Cộng</b>	<b>780,863,304</b>	<b>749,714,782</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Chi phí lãi vay	495,000	17,743,333
<b>Cộng</b>	<b>495,000</b>	<b>17,743,333</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	38,375,220	14,646,380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149,479,775	89,418,957
Chi phí bằng tiền khác	46,530,842	111,645,696
<b>Cộng</b>	<b>234,385,837</b>	<b>215,711,033</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Áp Cây Chàm - Xã Thạnh Phước - Huyện Tân Uyên - Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 6 tháng đầu năm 2012, kết thúc ngày 30/06/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>	<u>6 tháng đầu năm 2011</u>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1,278,405,420	1,152,074,870
Chi phí vật liệu quản lý	15,220,758	9,405,300
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2,964,601
Chi phí khấu hao TSCĐ	32,756,586	31,317,468
Thuế, phí và lệ phí	16,382,771	27,866,463
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	40,592,913	38,222,064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198,009,277	213,811,035
Chi phí bằng tiền khác	186,815,133	165,478,412
	<u>1,768,182,858</u>	<u>1,641,140,213</u>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Thu nhập khác	13,925,521	53,299,954
<b>Cộng</b>	<u>13,925,521</u>	<u>53,299,954</u>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Chi phí khác	-	54,042,493
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>54,042,493</u>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
Chi phí nguyên liệu vật liệu	5,567,847,671	5,770,508,771
Chi phí công cụ	40,209,783	15,691,904
Chi phí nhân công	4,791,954,605	4,224,949,115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	784,966,564	688,792,259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,082,356,426	3,006,612,857
Chi phí khác bằng tiền	2,316,376,554	3,372,887,114
<b>Cộng</b>	<u>16,583,711,603</u>	<u>17,079,442,020</u>
<b>10. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>6 tháng đầu năm 2011</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5,332,549,448</b>	<b>6,279,112,107</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	10,591,231	-
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-)	-	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	10,591,231	-
+ Tiền thuế đất phải nộp	-	-
+ Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	10,591,231	-

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5,343,140,679</b>	<b>6,279,112,107</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,335,785,170	1,569,778,027
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1,335,785,170</b>	<b>1,569,778,027</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,999,412,086	4,709,334,080
Số cổ phiếu bình quân lưu hành (*)	4,638,300	4,639,431
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>862</b>	<b>1,015</b>

	Số lượng cổ phiếu	Số ngày lưu hành bình quân	Số cổ phiếu bình quân lưu hành 6 tháng đầu năm 2012
- Số đầu kỳ	4,638,300	182	4,638,300
- PS tăng trong kỳ	-	-	-
- PS giảm trong kỳ	-	-	-

**VII. Thông tin về công cụ tài chính**

**1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	15,218,983,129	14,385,433,292
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-
Phải thu khách hàng	1,860,579,464	1,500,666,989
Các khoản phải thu khác	172,513,127	178,414,647
<b>Cộng</b>	<b>17,252,075,720</b>	<b>16,064,514,928</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	686,691,738	678,822,471
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	11,000,000	11,000,000
Phải trả người lao động	-	-
Chi phí phải trả	436,985,421	90,664,311
Các khoản phải trả khác	2,147,746,993	2,090,714,822
<b>Cộng</b>	<b>3,282,424,152</b>	<b>2,871,201,604</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính nên Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của những tài sản này.

**2. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**3. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**Công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên về vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đấu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

**4. Rủi ro thanh khoản**

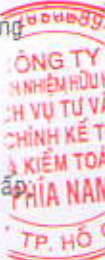
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	686,691,738	-	-	686,691,738
Vay và nợ	11,000,000	-	-	11,000,000
Phải trả cho người lao động	-	-	-	-
Chi phí phải trả	354,281,865	-	82,703,556	436,985,421
Các khoản phải trả khác	2,147,746,993	-	-	2,147,746,993
<b>Cộng</b>	<b>3,199,720,596</b>	<b>-</b>	<b>82,703,556</b>	<b>3,282,424,152</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	678,822,471	-	-	678,822,471
Vay và nợ	11,000,000	-	-	11,000,000
Phải trả cho người lao động	-	-	-	-
Chi phí phải trả	18,551,986	-	72,112,325	90,664,311
Các khoản phải trả khác	2,090,714,822	-	-	2,090,714,822
<b>Cộng</b>	<b>2,799,089,279</b>	<b>-</b>	<b>72,112,325</b>	<b>2,871,201,604</b>

**5. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

**VIII. Những thông tin khác****1. Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan với Công ty gồm :





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn
Đại lý Lê Túy Dũng	Cổ đông

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	- Phải thu tiền bán sản phẩm	7,129,171,283	8,384,404,840
	- Đã thu tiền bán sản phẩm	7,194,984,973	7,295,497,006
Đại lý Lê Túy Dũng	- Phải thu tiền bán sản phẩm	1,570,027,085	1,333,106,313
	- Đã thu tiền bán sản phẩm	1,570,027,085	1,333,106,313

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	1,301,523,993	1,367,337,683

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng
- Khai thác đất sét

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Khai thác, kinh doanh đất sét	Cộng
<b>2.1. 6 tháng đầu năm 2012:</b>			
<b>2.1.1. Kết quả kinh doanh bộ phận</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16,834,812,594	4,836,657,878	21,671,470,472
Giá vốn hàng bán	11,881,549,112	3,249,097,042	15,130,646,154
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,953,263,482	1,587,560,836	6,540,824,318
Chi phí không phân loại theo bộ phận			2,002,568,695
Doanh thu hoạt động tài chính			780,863,304
Chi phí tài chính			495,000
Thu nhập khác			13,925,521
Chi phí khác			-
Chi phí thuế TNDN hiện hành			1,335,785,170
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(2,647,808)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3,999,412,086
<b>2.1.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			
- Chi phí khấu hao trong kỳ	680,463,880	104,502,684	784,966,564
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	209,564,832	611,832,557	821,397,389
<b>2.1.3. Tài sản bộ phận tại ngày 30/06/2012</b>			
- Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ			
Nguyên giá	14,414,359,762	2,197,311,970	16,611,671,732
Hao mòn lũy kế	6,941,669,631	505,797,214	7,447,466,845
Giá trị còn lại cuối kỳ	7,472,690,131	1,691,514,756	9,164,204,887
- Chi phí trả trước dài hạn cuối kỳ			
Giá trị ban đầu	900,054,122	27,547,497,917	28,447,552,039
Phân bổ lũy kế	614,953,658	5,891,199,665	6,506,153,323
Giá trị còn lại cuối kỳ	285,100,464	21,656,298,252	21,941,398,716
<b>2.2. 6 tháng đầu năm 2011:</b>			
<b>2.2.1. Kết quả kinh doanh bộ phận</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	13,041,811,145	8,639,157,856	21,680,969,001
Giá vốn hàng bán	10,292,360,354	3,983,874,204	14,276,234,558
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,749,450,791	4,655,283,652	7,404,734,443
Chi phí không phân loại theo bộ phận			1,856,851,246
Doanh thu hoạt động tài chính			749,714,782
Chi phí tài chính			17,743,333
Thu nhập khác			53,299,954
Chi phí khác			54,042,493
Chi phí thuế TNDN hiện hành			1,569,778,027
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4,709,334,080



2.2.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Khai thác, kinh doanh đất sét	Cộng
- Chi phí khấu hao trong kỳ	662,593,327	89,263,566	751,856,893
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	190,141,536	1,236,522,571	1,426,664,107

**2.2.3. Tài sản bộ phận tại ngày 30/06/2011**

- Tài sản cố định			
Nguyên giá	14,003,412,100	2,026,987,316	16,030,399,416
Hao mòn lũy kế	5,585,405,090	307,437,136	5,892,842,226
Giá trị còn lại cuối kỳ	8,418,007,010	1,719,550,180	10,137,557,190
- Chi phí trả trước dài hạn			
Giá trị ban đầu	958,083,495	27,547,497,917	28,505,581,412
Phân bổ lũy kế	352,941,842	4,449,892,255	4,802,834,097
Giá trị còn lại cuối kỳ	605,141,653	23,097,605,662	23,702,747,315

**3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Bình Dương, ngày 18 tháng 07 năm 2012



Lê Minh Hoàng